PHIẾU SÀNG LỌC ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ PHÁT HIỆN SỚM MỘT SỐ BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM

Người điều tra:……Đơn vị công tác :……

Xã/phường:……..…Quận/huyện/thành phố:……Tỉnh/thành phố :……

Ngày thực hiện:.....

THÔNG TIN HÀNH CHÍNH

Họ và tên đối tượng :.....

Năm sinh dương lịch (Tuổi):.....Giới: Nam/Nữ

Địa chỉ:.....

Số ĐT liên hệ:.....

Đo chỉ số nhân trắc: Chiều cao: …… (m) Cân nặng:……(kg) BMI:……....(kg/m^2) Vòng bụng:…….... (cm)	**Hiện đang mắc bệnh:** 1. Tăng huyết áp 2. Đái tháo đường 3. Ung thư
Chỉ số huyết áp: Lần 1:…….....mmHg Lần 2:…….....mmHg	**Chỉ số đường huyết mao mạch lúc đói:** …….(mg/dL) hoặc (mmol/L)

TT	A. Yếu tố gia đình *(Bao gồm cha/mẹ/anh/chị/em ruột)*	Có	Không
A.1	Gia đình có người mắc Đái tháo đường	☐	☐
A.2	Gia đình có người mắc Tăng huyết áp	☐	☐
A.3	Gia đình có người mắc Ung thư	☐	☐
	B. Yếu tố nguy cơ	**Có**	**Không**
B.1	**Ăn thiếu lượng rau xanh, trái cây** *(dưới 400gam/ngày)*	☐	☐
B.2	**Ăn nhiều muối >5 gam/ngày** *(5g tương đương 01 thìa cà phê)*/người/ngày)	☐	☐
B.3	**Hiện đang hút thuốc lá hoặc thuốc lào**	☐	☐
B.4	**Thường xuyên căng thẳng (stress)**	☐	☐
B.5	**Ít vận động thể lực** *(Vận động thể lực < 30 phút/ ngày, dưới 05 ngày/tuần bao gồm thể dục, thể thao, lao động chân tay)*	☐	☐
B.6	**Uống nhiều rượu, bia ở mức nguy hại** *(Mức uống bia nguy hại mỗi ngày và trên 05 ngày/tuần: ở nam uống trên 2 đơn vị cồn và trên 1 đơn vị cồn/ngày đối với nữ. 1 ĐV cồn tương đương ½ chai bia 500ml hoặc 3/4 lon bia loại 330ml(loại 5%),1 ly rượu vang 100ml (13,5 %); 1 cốc bia hơi 330 ml hoặc 1 chén rượu mạnh 30 ml*	☐	☐

	(40%.).		
B.7	**Có tiền sử đái tháo đường thai kỳ** *(Đối với phụ nữ)*	☐	☐
	C. Dấu hiệu nghi ngờ mắc một số bệnh không lây nhiễm phổ biến	**Có**	**Không**
C.1	Dấu hiệu nghi ngờ mắc **Tăng huyết áp (**Huyết áp ≥ 140/90 mmHg**)** Số đo huyết áp:……./…….mmHg	☐	☐
C.2	Dấu hiệu nghi ngờ **Đái tháo đường** Tiểu nhiều, khát nước nhiều, ăn nhiều, sút cân hoặc Kết quả tự đo đường huyết lúc đói ≥ 7 mmol/L	☐	☐
C.3	Dấu hiệu nghi ngờ **một số bệnh ung thư thường gặp** *Có ít nhất một trong các dấu hiệu sau* Vết loét trên cơ thể lâu liền Ho dai dẳng, tức ngực, điều trị không đỡ Chậm tiêu, khó nuốt Thay đổi thói quen bài tiết phân, nước tiểu Có khối u ở vú hay ở trên cơ thể Hạch bạch huyết to không bình thường Chảy máu, dịch ra bất thường ở âm đạo Ù tai, nhìn đôi Gầy sút, thiếu máu không rõ nguyên nhân	☐	☐

D. BẢNG TÍNH ĐIỂM NGUY CƠ ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

Nguy cơ của bệnh Đái tháo đường (Khoanh vào ô chấm điểm)			**Chấm điểm**
1	BMI	<23	0
		23-27,5	3
		>= 27,5	5
2	Tuổi	<45	0
		45-49 tuổi	1
		>49 tuổi	2
3	Giới	Nữ	0
		Nam	2
4	Vòng eo	Nam<90, Nữ <80	0
		Nam≥90, Nữ ≥80	2
5	Tiền sử gia đình đã có người mắc bệnh đái tháo đường	Không:	0
		Có:	4
6	Huyết áp	HA<140/90mmHg	0
		HA ≥140/90mmHg	2
	Tổng điểm		……đ
Nếu có tổng điểm ≥ 6 thì cần xét nghiệm đường huyết mao mạch			